

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ TRÁCH NHIỆM CHỨNG MINH TỘI PHẠM CỦA TÒA ÁN

HOÀNG ANH TUYỀN* - NGÔ DOANH**

Tóm tắt: Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng gồm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án đã phát huy hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, kiểm soát được tình hình tội phạm trong thời gian qua. Tuy nhiên, trước yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nhiều yêu cầu đổi mới thủ tục tố tụng hình sự mà trọng tâm là tranh tụng là đột phá, phân định rành mạch các chức năng tố tụng, cần nghiên cứu, xem xét sửa đổi các quy định về trách nhiệm chứng minh tội phạm của Tòa án.

Từ khóa: Tố tụng hình sự, trách nhiệm chứng minh tội phạm, Tòa án

Ngày nhận bài: 09/4/2024; Biên tập xong: 16/4/2024; Duyệt đăng: 22/4/2024

PROPOSALS TO COMPLETE CRIMINAL PROCEDURE LAW ON THE COURT'S RESPONSIBILITY TO PROVE CRIMES

Abstract: Vietnamese criminal procedure law prescribes that competent procedural authorities including Investigation agency, the Procuracy and the Court are held liable for proving crime. This has been effective in the fight against crime and has controlled the crime situation recently. However, facing the requirements for judicial reform and building a socialist rule-of-law state in Vietnam with requests for innovation in criminal proceedings that litigation as a breakthrough and clearly defining procedural functions, it is necessary to research to amend regulations on the Court's responsibility to prove crimes.

Keywords: Criminal procedure, prove crimes responsibility, the Court

Received: Apr 09th 2024; **Editing completed:** Apr 16th 2024; **Accepted for publication:** Apr 22nd 2024

1. Quy định Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành

Tố tụng hình sự Việt Nam thuộc mô hình tố tụng thẩm vấn hướng tới mục tiêu kiểm soát tội phạm, phát hiện nhanh chóng, xử lý kịp thời tội phạm và người phạm tội, tìm đến chân lý khách quan, sự thật tuyệt đối của vụ án chứ không phải là sự thật pháp lý. Để đạt được mục tiêu, yêu cầu này, tố tụng hình sự nước ta đã quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm của tất cả các cơ quan tiến hành tố tụng, không chỉ có cơ quan thực hiện chức năng buộc tội (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát), mà gồm cả cơ quan thực hiện chức năng xét xử (Tòa án).

Trên cơ sở kế thừa các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 – gọi tắt là BLTTHS năm 2015) quy định: “Trách nhiệm chứng minh tội phạm

thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội (Điều 15); Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng gồm cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (điểm a khoản 1 Điều 4); Cơ quan tiến hành tố tụng gồm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án (khoản 1 Điều 34).

Các quy định trong BLTTHS năm 2015 tiếp tục đề cao tính tích cực, chủ động của Tòa án trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự. Cụ thể, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án nghiên cứu hồ sơ vụ án, có thẩm quyền trả lại hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ

* Email: Tuyenha@tks.edu.vn

Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

** Email: Ngodoanhvov@gmail.com

Thạc sĩ, Phó Viện trưởng Viện Quản trị Kinh tế Việt Nam

sung khi thấy thiếu những chứng cứ quan trọng hoặc khi có căn cứ cho rằng bị cáo còn phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác (Điều 280); có quyền yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ mà không phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung (Điều 284). Tòa án có trách nhiệm xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ bằng các hoạt động: theo quy định tại Điều 252, BLTTHS năm 2015. Với các quy định này, Tòa án thực hiện hoạt động chứng minh tội phạm thay cho Viện kiểm sát mà không phải là mở phiên tòa và nếu thấy thiếu chứng cứ kết tội thì phải tuyên bị cáo vô tội như yêu cầu của nguyên tắc suy đoán vô tội mà nhiều nước tiên tiến, phát triển đang vận dụng.

Tại phiên tòa, Tòa án chủ trì việc xem xét công khai, thẩm tra các kết quả điều tra, truy tố được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Trình tự xét hỏi theo thứ tự, chủ tọa phiên tòa hỏi trước, sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi (Điều 307). Do đó, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền chủ động xét hỏi, có thể xét hỏi toàn bộ các vấn đề của vụ án nhằm kiểm tra, xác minh lại các chứng cứ đã thu thập được trong các giai đoạn tố tụng trước đó, làm căn cứ cho việc ra phán quyết bản án. Hội đồng xét xử có quyền khởi tố vụ án (mặc dù quyền hạn này thuộc chức năng buộc tội do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thực hiện); có quyền xét xử bị cáo vượt ra ngoài giới hạn truy tố của Viện kiểm sát (Điều 298)... Các quy định của BLTTHS Việt Nam hiện hành đã giúp cho hoạt động kiểm tra, đánh giá, sử dụng chứng cứ của quá trình giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử trong quá trình chứng minh tội phạm được khách quan và toàn diện hơn, việc xét xử được nhanh chóng, kịp thời.

2. Một số bất cập, hạn chế khi quy định Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm

Thứ nhất, quy định Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm không bảo đảm sự phân định rành mạch chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của các chủ thể thực hiện các chức năng cơ bản của tố tụng

hình sự. Một chủ thể pháp luật nhưng lại được giao thực hiện đồng thời nhiều chức năng tố tụng khác nhau, tạo ra sự chồng lấn trong việc thực hiện chức năng cơ bản của tố tụng hình sự. Về nguyên tắc, bên nào thực hiện việc buộc tội, bên đó phải có trách nhiệm chứng minh, lập luận cho các cơ sở, lý lẽ của việc buộc tội, và tương tự với bên gỡ tội. Tuy nhiên, quy định Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm là chuyển trách nhiệm chứng minh tội phạm từ bên buộc tội (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát) sang bên xét xử (Tòa án) nên chưa tạo điều kiện để phát huy tính chủ động, tích cực và trách nhiệm của bên buộc tội trong việc thực hiện chức năng tố tụng của mình. Điều này sẽ không đảm bảo được vai trò độc lập của Tòa án trong việc thực hiện chức năng xét xử. Quy định trình tự xét hỏi theo quy định tại Điều 305 BLTTHS năm 2015 dễ dẫn đến việc Thẩm phán làm thay công việc của Kiểm sát viên tại phiên tòa, ảnh hưởng đến việc tranh tụng do Thẩm phán vừa có trách nhiệm chứng minh vừa là người điều hành việc tranh tụng giữa bên buộc tội và gỡ tội.

Thứ hai, quy định Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, nghiên cứu hồ sơ vụ án, trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra bổ sung làm cho chủ thể này nhận thức về nội dung vụ án trước khi xét xử, ảnh hưởng đến nội tâm của Thẩm phán khi xét xử và ra phán quyết tại phiên tòa. Thẩm phán thu thập chứng cứ, tài liệu làm cho việc giải quyết vụ án của Thẩm phán sẽ không bảo đảm tính khách quan do phải tự mình đánh giá, kiểm tra chứng cứ, lệ thuộc vào chứng cứ buộc tội đã thu thập mà xem nhẹ chứng cứ gỡ tội phát sinh tại phiên tòa, dẫn đến quá trình giải quyết vụ án trong tố tụng hình sự thẩm vấn dễ có xu hướng định kiến, khó bảo đảm tính dân chủ, công bằng. Không ít người cho rằng tố tụng thẩm vấn truy kích tội phạm đến cùng, quá trình tố tụng diễn ra khép kín, nguy cơ dẫn đến oan, sai cao hơn so với mô hình tố tụng hình sự tranh tụng¹.

¹ Đề tài độc lập cấp Nhà nước (2011), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự*

Thứ ba, quy định Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm không phù hợp với xu hướng chung của đa số các nước trên thế giới. Theo quy định của BLTTHS Liên bang Nga, chức năng buộc tội, gỡ tội và phán quyết vụ án là độc lập và không thể giao cho cùng một cơ quan hoặc cùng một người có thẩm quyền thực hiện. Tòa án không phải là cơ quan truy tố hình sự, không thuộc bên buộc tội hoặc bên gỡ tội. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cần thiết để các bên thực hiện các nghĩa vụ của mình và thực hiện các quyền được giao cho họ; bên buộc tội và bên gỡ tội bình đẳng trước tòa án (Điều 15); người bị tình nghi, bị can, bị cáo không có nghĩa vụ chứng minh sự vô tội của mình. Trách nhiệm chứng minh sự buộc tội và bác bỏ những lý do nhằm bảo vệ cho người bị tình nghi và bị can, bị cáo thuộc bên buộc tội (khoản 2 Điều 14). Theo quy định pháp luật tố tụng hình sự Cộng hòa Pháp, trách nhiệm chứng minh sự thật hoàn toàn thuộc về cơ quan công tố. Tại Vương Quốc Anh, Hoa Kỳ, trong các phiên tòa xét xử vụ án hình sự, Công tố viên có nghĩa vụ bảo vệ sự buộc tội bị cáo, chịu trách nhiệm chứng minh hành vi phạm tội và người đã có lỗi trong việc gây nên tội phạm; tranh tụng dân chủ với người bào chữa; có quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật. Luật hình sự Vương quốc Anh có một nguyên tắc rất nổi tiếng là bị cáo được giả thuyết là vô tội và bên công tố có trách nhiệm xóa hết mọi nghi ngờ để chứng minh bị cáo có tội, trách nhiệm chứng minh có tội của bị cáo thuộc về cơ quan công tố. Tài liệu nghiên cứu về mô hình tố tụng hình sự của Hoa Kỳ của Richard S. Shine và ở Mỹ có thủ tục cảnh báo Miranda: Trách nhiệm chứng minh phải thuộc về và chỉ thuộc về cơ quan buộc tội, người buộc tội. Bản án phải dựa trên các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, không một chứng cứ nào có giá trị tiên quyết, không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác nêu ra nếu họ không thể nói rõ vì sao

biết được tình tiết đó. Chính vì vậy, mô hình tố tụng hình sự Hoa Kỳ ưu tiên kiểm soát tội phạm đồng thời duy trì một quy trình thủ tục công bằng². Tham khảo Quy chế Rome về tòa án hình sự quốc của Liên hợp quốc năm 1998 cho thấy, Công tố viên có trách nhiệm phát hiện và tìm ra mọi tình tiết và chứng cứ để xác định trách nhiệm hình sự và tội phạm theo quy chế, điều tra xác định các tình tiết buộc tội và gỡ tội một cách công bằng (Điều 54.1). Việc thu thập tài liệu, chứng cứ tuân thủ theo sự chỉ đạo của Trưởng công tố và tuân theo Quy chế Rome và các nguyên tắc, quy tắc, quy định của pháp luật quốc tế; trách nhiệm chứng minh bị cáo có tội thuộc về Trưởng công tố (Điều 66).

Thứ tư, quy định Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hình sự (khoản 4 Điều 153 BLTTHS năm 2015) là không phù hợp. Bởi lẽ, khởi tố vụ án là điểm khởi đầu của việc quá trình xử lý hình sự khi vụ việc có dấu hiệu của tội phạm, là căn cứ cho việc tiến hành các biện pháp điều tra, thu thập chứng cứ, tài liệu để chứng minh tội phạm và người phạm tội. Khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can (Điều 179). Do đó, khởi tố vụ án gắn liền với việc thực hiện chức năng buộc tội. Quy định về thẩm quyền khởi tố như vậy đã phần nào thể hiện việc Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động thuộc nội dung của chức năng buộc tội, trong khi đó Hội đồng xét xử là chủ thể duy nhất và chỉ thực hiện chức năng xét xử³.

3. Đề xuất sửa đổi các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trách nhiệm chứng minh tội phạm của Tòa án

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải

² Nguyễn Trúc Thiện (2019), *Chứng minh trong tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai*, Luận án tiến sĩ ngành Luật học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, tr. 9.

³ Trần Ngọc Minh (2023), *Chức năng buộc tội trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ ngành Luật học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, tr. 128.

đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, Viện khoa học kiểm sát, tr. 41.

cách tư pháp đến năm 2020 đã nhấn mạnh “xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan tư pháp, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh”. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới cũng đặt ra yêu cầu “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”; “Nghiên cứu làm rõ thẩm quyền hội đồng xét xử khởi tố vụ án tại phiên tòa, những trường hợp tòa án thu thập chứng cứ trong hoạt động xét xử; “Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá”. Vì vậy, cần nghiên cứu, đề xuất làm rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong việc thực hiện chức năng xét xử, phân định rành mạch, rõ ràng với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thực hiện chức năng buộc tội, chứng minh tội phạm. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần xác định mô hình tố tụng hình sự của Việt Nam thời gian tới theo yêu cầu cải cách tư pháp tiếp tục là mô hình tố tụng mà nền tảng là thẩm vấn, nhưng tăng cường hơn các yếu tố tranh tụng, bảo đảm tranh tụng là đột phá. Quá trình tranh tụng giữa bên buộc tội và bên bào chữa là điều kiện tiên quyết bảo đảm sự bình đẳng giữa bị can, bị cáo, người bào chữa với Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện chức năng buộc tội. Tòa án có vai trò trung tâm, điều khiển việc tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Tòa án tập trung thực hiện chức năng xét xử, không thực hiện chức năng buộc tội và chức năng bào chữa. Trách nhiệm của Tòa án là kiểm tra sự thật thông qua tranh tụng mà không phải tự mình đi tìm sự thật thông qua xét hỏi và đưa ra phán quyết cuối cùng về một người nào đó có tội hay vô tội. Đây là xu hướng chung về thiết chế tư pháp và vai trò của Tòa án các nước. Vì vậy, “sẽ là sai lầm nếu cho rằng chức năng của Tòa án không chỉ là xét xử mà

bao gồm cả buộc tội và bào chữa nữa... Tòa án phải làm sáng tỏ tất cả các tình tiết của vụ án (cả tình tiết buộc tội và tình tiết gỡ tội) nhưng không phải để buộc tội hoặc gỡ tội đối với bị cáo mà nhằm mục đích xác định sự thật khách quan của vụ án, để có quyết định đúng đắn về vụ án, tức là để thực hiện chức năng xét xử...”⁴

Theo đó, cần sửa đổi quy định của BLTTHS hiện hành nhằm xác định đúng vị trí, vai trò của các chủ thể trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung và tại phiên tòa nói riêng. Viện kiểm sát thực hiện chức năng buộc tội có trách nhiệm chứng minh tội phạm, không chỉ trong giai đoạn điều tra, truy tố mà cả trong giai đoạn xét xử. Khi thực hiện chức năng công tố tại phiên tòa, Viện kiểm sát có trách nhiệm chứng minh sự thật vụ án (cả việc buộc tội, gỡ tội), tranh luận dân chủ, đối đáp với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác để làm rõ sự thật vụ án. Về bản chất, tranh tụng là việc các bên đưa ra chứng cứ và lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. Tòa án đóng vai trò là “trọng tài” phân xử trên cơ sở chứng cứ mà các bên đưa ra để đưa ra các phán quyết dựa trên chứng cứ, lý lẽ của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa... dựa vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa để có những bản án đúng pháp luật, có sức thuyết phục cao. Để tăng cường tranh tụng, cần xác định trách nhiệm thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm thuộc về Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Tòa án không có trách nhiệm chứng minh, thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Điều 15 BLTTHS năm 2015 như sau: “Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Cơ quan điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, người có thẩm quyền do pháp luật quy định phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án

⁴ Nguyễn Đức Mai (2008), “Vấn đề tranh tụng hình sự”, Kỷ yếu Đề tài khoa học cấp bộ, Viện Khoa học kiểm sát, Hà Nội.

một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội”.

Thứ hai, đổi mới vị trí, vai trò và trình tự xét hỏi tại phiên tòa theo hướng, Tòa án chủ yếu làm nhiệm vụ điều khiển việc xét hỏi của bên buộc tội và bên bào chữa. Trách nhiệm xét hỏi chính tại phiên tòa để chứng minh, bảo vệ quan điểm buộc tội phải thuộc về Kiểm sát viên. Người bào chữa hỏi về các tình tiết gỡ tội. Tòa án chỉ thực hiện chức năng xét xử, không thực hiện những thẩm quyền thuộc chức năng buộc tội. Khi xét xử, Tòa án tìm hiểu sự thật, nhận thức sự thật vụ án chủ yếu thông qua việc nghe các bên hỏi, tranh luận, đối đáp. Hội đồng xét xử chỉ hỏi khi thật cần thiết, sau khi bên buộc tội và bên bào chữa đã kết thúc phần xét hỏi mà thấy còn những vấn đề chưa rõ để kiểm tra chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội nhằm nhận thức đúng sự thật, hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc có mâu thuẫn. Trình tự xét hỏi cũng cần được sửa đổi theo hướng Kiểm sát viên hỏi trước, sau đó đến người bào chữa, đến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, Tòa án chỉ hỏi sau khi các bên đã hỏi xong và khi cần thiết để kiểm tra tính đúng, sai của những vấn đề mà các bên đã hỏi, đã tranh luận⁵.

Thứ ba, cần bỏ thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử. Việc ra quyết định khởi tố vụ án thuộc chức năng buộc tội của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Tòa án là cơ quan xét xử mà ra quyết định khởi tố vụ án hình sự sẽ ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong quá trình xét xử vụ án đó. Vì vậy, quy định này cần phải sửa đổi theo hướng nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện việc bỏ lọt tội phạm thì Hội đồng xét xử yêu cầu Viện kiểm sát hoặc Cơ quan điều tra có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Thứ tư, hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án trong việc trả lại hồ sơ cho Viện kiểm

sát để điều tra bổ sung; yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ mà không phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trên cơ sở các tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, nếu đủ căn cứ thì Tòa án kết tội đối với người đã thực hiện tội phạm, nếu không đủ căn cứ khẳng định họ là người thực hiện hành vi phạm tội thì phải tuyên người đó vô tội. Do đó, để bảo đảm hoạt động tranh tụng tại phiên tòa, bảo đảm việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng, nguyên tắc suy đoán vô tội, cần bỏ các căn cứ để Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát điều tra bổ sung quy định tại Điều 280 và Điều 284 BLTTHS; đồng thời xác định rõ Tòa án ra phán quyết trên cơ sở các tình tiết được chứng minh, làm rõ tại phiên tòa sơ thẩm mà không chỉ phụ thuộc vào hồ sơ vụ án⁶./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đề tài độc lập cấp Nhà nước (2011), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Viện khoa học kiểm sát;
2. Nguyễn Đức Mai (2008), “Vấn đề tranh tụng hình sự”, *Kỷ yếu Đề tài khoa học cấp bộ*, Viện Khoa học kiểm sát, Hà Nội.
3. Nguyễn Thái Phúc, “Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 18/2007;
4. Nguyễn Trúc Thiện (2019), *Chứng minh trong tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai*, Luận án tiến sĩ ngành Luật học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
5. Trần Ngọc Minh (2023), *Chức năng buộc tội trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ ngành Luật học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
6. Lê Tiến Châu (2008), *Chức năng xét xử trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ ngành Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

⁵ Đề tài độc lập cấp Nhà nước (2011), Tlđd, tr. 234.

⁶ Nguyễn Thị Mai (2021), *Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ ngành Luật học, Trường Đại học luật Hà Nội, tr. 158.